

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 83/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2017

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Mai Thị Ngọc Hân.

+ Bà Võ Thị Tiếng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên: Bà Nguyễn Mỹ Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 225/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2017; và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kiều T, sinh năm 1990. (Có mặt)

Nơi cư trú: tổ 20, ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Minh M, sinh năm 1992. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ 6, ấp M, xã M, thành phố H, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2017, và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Kiều T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Minh M do mai mối, có tìm hiểu nhau khoảng 02 tháng thì tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 20/02/2012 tại UBND xã Mỹ Hòa Hưng, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Hôn nhân lần thứ nhất của cả hai.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, trong tiền bạc và cuộc sống bên gia đình chồng dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc nên chị và anh M đã ly thân từ tháng 7 năm 2015. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án phía anh M cũng không liên lạc với chị để hàn gắn lại tình cảm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh M.

- Về quan hệ con chung: Chị và anh Huỳnh Minh M không có con chung.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Huỳnh Minh M không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Huỳnh Minh M không gửi tự khai trình bày ý kiến cho Tòa án và vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết đối với vụ án nên không có ý kiến trình bày.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên có ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án không có văn bản trình bày ý kiến; không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mặc dù tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho anh đúng theo quy định của pháp luật là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Và đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử vắng mặt là đúng quy định pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Huỳnh Minh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kiều T và anh Huỳnh Minh M kết hôn lần thứ nhất trên cơ sở tự nguyện vào năm 2012, có đăng ký kết hôn ngày 20/02/2012 tại UBND xã Mỹ Hòa Hưng, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo qui định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay vợ chồng chị T, anh M phát sinh mâu thuẫn, chị T xin ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp các qui định của pháp luật tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị T cho rằng vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc khoảng 01 năm sau khi kết hôn. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm sống, trong tiền bạc và cuộc sống bên gia đình chồng nên chị và anh M đã ly thân từ tháng 7 năm 2015. Nay nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, nên chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh M.

Qua trình bày của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy chị T và anh M phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài và anh chị ly thân từ tháng 7 năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm vợ chồng với anh M; cũng như việc anh M không có liên lạc với chị để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, cho thấy trong suốt thời gian dài qua, chị T, anh M không tạo điều kiện thăm nom, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình Tòa án xem xét giải quyết vụ án, anh M không cung cấp ý kiến và không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, phiên tòa thể hiện chưa có sự quan tâm đối với yêu cầu ly hôn của chị T. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T trình bày, chị và anh M không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Theo chị T thì chị và anh M không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì

vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết. Nếu sau này chị T và anh M có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý và giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Kiều T phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015457 ngày 16/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Tp.Long Xuyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử vắng mặt anh Huỳnh Minh M.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Kiều T được ly hôn với anh Huỳnh Minh M.

[2] Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị Kiều T và anh Huỳnh Minh M không có con chung.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Kiều T phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015457 ngày 16/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Tp.Long Xuyên.

[5] Chị Trần Thị Kiều T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Huỳnh Minh M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP. Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án và văn phòng./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Minh Châu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND.TPLX;
- Đường sự ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./ .

Phạm Thị Minh Châu